

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày 25-9-2020
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Lệ Tuyết
2. Ông Hà Văn Quen

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Lâm – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2020/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2020/QĐHPT-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm A, Phường B, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

Bị đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, Phường B, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 6 năm 2020 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị H đã trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Trần Văn N tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn ngày 01/11/2007 tại UBND xã Tân An Luông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng bà chung sống đến năm 2019 thì vợ chồng bà xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Nhkhông lo làm ăn trong nhà mà chơi cờ bạc gây nợ nần bên ngoài. Hiện tại vợ chồng bà đã ly thân. Ông Nhđi làm không có liên lạc với bà mà chỉ liên lạc với con trai lớn của bà. Khi Tòa án gửi thông báo thụ lý cho bà thì bà có kêu con bà chụp hình gửi zalo cho ông Nhbiết.

Bà điện thoại cho ông Nh nói chuyện ra tòa ly hôn thì ông Nh trả lời bà muốn làm gì thì làm. Nay bà H không còn tình cảm với ông Nh nữa. Bà không muốn tiếp tục sống chung với ông Nh nên yêu cầu được ly hôn ông Nh.

- Về con chung: tôi yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con là cháu Trần Đức N, sinh ngày 07/9/2003 và Trần Đức Th, sinh ngày 04/12/2013. Bà rút lại yêu cầu cấp dưỡng, không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng bà không có nợ chung.

Bị đơn ông Trần Văn N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng ông Nh không nộp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà H. Ông Nh cũng được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia các phiên tòa nhưng ông Nh đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt. Vì vậy, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử: Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử có mặt tại Tòa đã thực hiện đúng các thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị H

+ Về con chung: Vì Kiểm sát viên đề nghị giao con chung là em Trần Đức N, sinh ngày 07/9/2003 (theo nguyện vọng của cháu Nghĩa) và cháu Trần Đức Th, sinh ngày 04/12/2013 cho bà Trần Thị H nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị đình chỉ xét xử và không xem xét yêu cầu cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung: Bà H không có yêu cầu chia tài sản chung. Ông Nh chưa có ý kiến về chia tài sản chung nên đề nghị không xem xét.

+ Về nợ chung: Bà H khai không có. Ông Nh chưa có ý kiến về nợ chung nên đề nghị không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Về kiến nghị khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Trần Văn N và yêu cầu giải quyết việc nuôi con giữa bà H và ông Nhân. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Trần Văn N có hộ khẩu thường trú tại Khóm A, Phường B, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Trần Văn N là bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng. Ông Trần Văn N cũng không có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét ý kiến của nguyên đơn, Kiểm sát viên và căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Văn N.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Trần Văn N tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 01/11/2007 tại UBND xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long theo đúng quy định pháp luật. Vì vậy, hôn nhân của bà H và ông Nh là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo bà H trong thời gian chung sống, giữa bà H và ông Nh có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà H là do ông Nhham mê cờ bạc gây nợ nần. Bà khuyên can nhưng ông Nhkhông từ bỏ việc chơi cờ bạc. Vì thế mà vợ chồng bà cự cãi nhau và ông Nhkhông còn sống chung với bà H gần 01 năm nay. Kết quả xác minh của Tòa án thể hiện không rõ mâu thuẫn giữa bà H và ông Nh là gì nhưng thực tế là ông Nh và bà H không còn sống chung gần 01 năm. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải tạo điều kiện để bà H, ông Nhđoàn tụ tiếp tục chung sống nhưng bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Nhân. Còn ông Nhbiết việc bà H nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên họp hòa giải mà không có lý do chính đáng. Khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông Nhđều vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy rằng vợ chồng muốn được hạnh phúc là phải cùng yêu thương nhau, cùng chung sống và cùng mong muốn xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên sau khi Tòa án tổ chức hòa giải, bà H một mực cương quyết yêu cầu ly hôn ông Nh vì cho rằng không còn tình cảm với ông Nh và không muốn tiếp tục chung sống với ông Nhân. Tại phiên tòa, bà H không đồng ý rút lại đơn khởi kiện. Và khi được hỏi nếu ông Nhquay về chung sống, bà có chấp nhận không thì bà H trả lời là không chấp nhận. Điều này cho thấy khả năng để bà H và ông Nhđoàn tụ để chung sống là rất khó thực hiện được. Bà H và ông Nhhiện tại không còn sống chung. Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị H như đề nghị của vị Kiểm sát viên.

[5] Về nuôi con: Bà Trần Thị H và ông Trần Văn N có con chung là cháu Trần Đức N, sinh ngày 07/9/2003 và Trần Đức Th, sinh ngày 04/12/2013. Hội

đồng xét xử thấy rằng việc giao con cho bà H hay ông Nh nuôi phải trên cơ sở bên nào đảm bảo quyền lợi tốt nhất dành cho các con. Tuy nhiên, cháu Đức Nghĩa và Đức Thảo thực tế sống với bà H. Trong thời gian ông Nh không sống chung, bà H vẫn nuôi dạy con tốt. Các con đều được đi học. Mặt khác, cháu Nghĩa cũng trình bày nguyện vọng được sống chung với bà H. Từ những phân tích như trên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao cháu Trần Đức N và Trần Đức Th cho bà Trần Thị H tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị H là người được giao nuôi con nhưng rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu đã rút và không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, bà Trần Thị H có quyền yêu cầu ông Trần Văn N cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung: Bà Trần Thị H không có yêu cầu chia tài sản; ông Trần Văn N chưa có ý kiến chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ: Bà Trần Thị H khai không có nợ chung với ông Trần Văn N; ông Trần Văn N chưa có ý kiến về nợ chung với bà H nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Bà Trần Thị H không thuộc trường hợp được giảm án phí hoặc không phải nộp án phí. Vì vậy, bà H là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị H. Bà Trần Thị H được ly hôn ông Trần Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Đức N, sinh ngày 07/9/2003 (theo nguyện vọng của cháu Nghĩa) và cháu Trần Đức Th, sinh ngày 04/12/2013 cho bà Trần Thị H tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng và giáo dục.

Không ai được quyền cản trở bà Trần Thị H trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Đức N và Trần Đức Th, cũng như cản trở ông Trần Văn N thăm nom con chung.

Vì lợi ích của cháu Trần Đức N và cháu Trần Đức Th, khi cần thiết và có yêu cầu của ông Trần Văn N hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa

án sẽ xem xét giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Nếu ông Trần Văn N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì bà Trần Thị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom con của ông Trần Văn N theo quy định pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị H rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đình chỉ xét xử yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Bà Trần Thị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, bà Trần Thị H có quyền yêu cầu ông Trần Văn N cấp dưỡng nuôi cháu Trần Đức N và Trần Đức Th theo quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung: Bà Trần Thị H không yêu cầu và ông Trần Văn N chưa có ý kiến yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, nếu bà Trần Thị H và ông Trần Văn N có tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng có được trong thời kỳ hôn nhân thì bà H hoặc ông N có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

5. Về nợ: Bà Trần Thị H khai không có; ông Trần Văn N chưa có ý kiến về nợ chung với bà H nên ghi nhận ý kiến và không xem xét.

6. Về án phí: Buộc bà Trần Thị H phải chịu án dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0009434 ngày 19/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Như vậy, bà Trần Thị H đã nộp xong án phí. Ông Trần Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

7. Nguyên đơn bà Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Trần Văn N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- Chi cục THADS TX. Duyên Hải;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án. (9 bản)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tấn Thanh